

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TAM BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-08-2024

“V/v ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 09 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01/04/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐ-HNGĐ, ngày 10/07/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Y**, sinh năm 1989 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/04/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày:

Vào năm 2008, qua quen biết nên chị và anh Trần Quốc T tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó anh T chỉ lo nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, nên vợ chồng bất đồng ý kiến trong đời sống gia đình, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, đã sống ly thân từ

năm 2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Khi ly hôn chị Y yêu cầu nuôi 02 con chung là Trần Quốc Đ, sinh ngày 10/09/2009, Trần Ngọc Tú M, sinh ngày 10/07/2012 và rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 900.000đ/tháng, hai con là 1.800.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Quốc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.*

- *Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/06/2024, nguyên đơn chị Trần Thị Y trình bày:* Chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc T. Về con chung: Khi ly hôn chị Y yêu cầu nuôi 02 con chung là Trần Quốc Đ, sinh ngày 10/09/2009, Trần Ngọc Tú M, sinh ngày 10/07/2012 và rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 900.000đ/tháng, hai con là 1.800.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn chị Trần Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”; bị đơn anh Trần Quốc T cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Y và anh T có quen biết tìm hiểu nhau từ năm 2008 rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 20/11/2008 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Trần Thị Y trình bày: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó anh T chỉ lo nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, nên vợ chồng bất đồng ý kiến

trong đời sống gia đình, tính tình không hợp nhau, mạnh ai nấy sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị Y, anh T đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung*: Chị Trần Thị Y khai có con chung với anh Trần Quốc T là Trần Quốc Đ, sinh ngày 10/09/2009, Trần Ngọc Tú M, sinh ngày 10/07/2012 và yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các cháu Đ, M trên 7 tuổi cũng có nguyện vọng sống chung với chị Y

Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu, tránh thay đổi môi trường sống và học tập của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Y là giao các cháu là Trần Quốc Đ, sinh ngày 10/09/2009, Trần Ngọc Tú M, sinh ngày 10/07/2012 cho chị Trần Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Trần Quốc T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị Y yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 900.000đ/tháng, hai con là 1.800.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị Y rút lại yêu cầu này, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Quốc T cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y, không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Trần Thị Y khai chưa yêu cầu, anh Trần Quốc T cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Y được ly hôn với anh Trần Quốc T.

[2]. *Về con chung*: Giao các cháu Trần Quốc Đ, sinh ngày 10/09/2009, Trần Ngọc Tú M, sinh ngày 10/07/2012 cho chị Trần Thị Y tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Quốc T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Đình chỉ yêu cầu của chị Trần Thị Y cấp dưỡng nuôi con, do nguyên đơn rút lại yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Trần Thị Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N $\underline{0}$ 00140020 ngày 01/04/2024 tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Dương Thị Ý N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo